

Số: 22./2015/BC/HĐQT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (Caseamex)

Trụ sở chính: : Lô 2-12 Khu Công Nghiệp Trà Nóc II, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ .

Điện thoại : 07130.841289 ;

Fax : 07103.843 132 ;

Người thực hiện công bố thông tin : Võ Đông Đức

Địa chỉ : 46A/8 Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy , TP Cần Thơ .

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 091.3870.089 ; Fax :

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

**Nội dung thông tin công bố:**

- Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ công bố:  
+ Báo cáo thường niên năm 2014.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

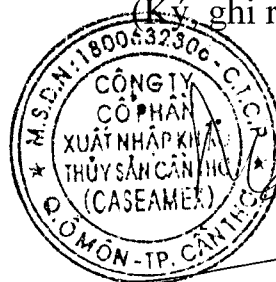
**Nơi nhận :**

- Như trên
- Web công ty
- Lưu VP

Ngày 15 tháng 04 năm 2015

**Người thực hiện công bố thông tin**

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Võ Đông Đức*



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU**  
**THỦY SẢN CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

---

*Cần thơ, ngày 15 tháng 04 năm 2015*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1.1 Thông tin tổng quát

Tên Công ty:                   **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN  
CẦN THƠ**

Tên tiếng Anh:               **Cantho Import - Export Seafood Joint Stock Company**

Tên viết tắt:                   **Caseamex**

Trụ sở chính:                 **Lô 2.12 Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Q.Ô Môn, TP. Cần  
Thơ**

Số điện thoại:                 **(0710) 3841819**

Số fax:                         **(0710) 3841116**

Logo:



Website:                       **www.caseamex.com.vn**

Vốn điều lệ :                   **120.739.740.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở   **143.739.740.000 đồng**

hữu:

Giấy CN ĐKDN:               **Số 1800632306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần  
Thơ cấp ngày 23/06/2006, đăng ký thay đổi lần 08 ngày  
24/07/2014.**

1.2 Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Giấy CN ĐKKD:

- + Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- + Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- + Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- + Bán buôn thực phẩm;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc

đi thuê;

+ Chế biến các mặt hàng thủy hải sản, gia súc, gia cầm đông lạnh xuất khẩu. Chế biến các loại thực phẩm cao cấp và các loại thực phẩm khác từ các loại nguyên liệu: nông sản, thủy sản, súc sản phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Chế biến và kinh doanh phụ phẩm thủy sản, gia súc, gia cầm;

+ Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi: thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm. Sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, gia súc, gia cầm;

+ Kinh doanh thuốc thú y thủy sản, vật tư, thiết bị phục vụ ngành chăn nuôi.

### 1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (Caseamex) tiền thân là Xí nghiệp Chế biến thực phẩm xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông Súc Sản Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ (Cataco) với lĩnh vực kinh doanh chính là chế biến xuất khẩu cá tra, cá basa đông lạnh.

Theo chủ trương của Chính phủ về việc đổi mới doanh nghiệp Nhà Nước, ngày 01/07/2006, Caseamex được tách ra từ Cataco và chuyển đổi sang Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 28.000.000.000 đồng.

Cùng với sự phát triển của sản phẩm cá tra và cá basa trên thị trường thế giới cùng kết hợp với kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo, Caseamex không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng quản lý và quy mô xuất khẩu của mình. Để hỗ trợ cho việc chủ động nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất, Công ty đã đầu tư Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản với tổng diện tích trên 15 ha tại Ấp Mái Dầm, Xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 ha tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang... có khả năng tự cung cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy. Từ đó, Công ty ngày càng phát triển và khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế trong ngành hàng thủy sản đông lạnh.

Mặt hàng chủ lực của Caseamex hiện nay là chế biến cá Tra (*Pangasius Hypophthalmus*) đông lạnh, tôm sú, tôm càng HOSO/HLSO, PD, CPTO và PUD, cùng một số sản phẩm từ các loại thủy sản khác như đùi ếch, bạch tuộc, mực, lươn. Tháng 3/2008, Công ty thành lập Nhà máy Chế biến Cafish tại Lô 4, Khu công nghiệp Trà Nóc I chuyên sản xuất chế biến các sản phẩm từ tôm và các mặt hàng thủy hải sản khác.

Sau 08 năm hoạt động độc lập, Công ty đã trở thành 01 trong 10 doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra, trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.

- Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và bổ sung vốn triển khai các dự án, Caseamex đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

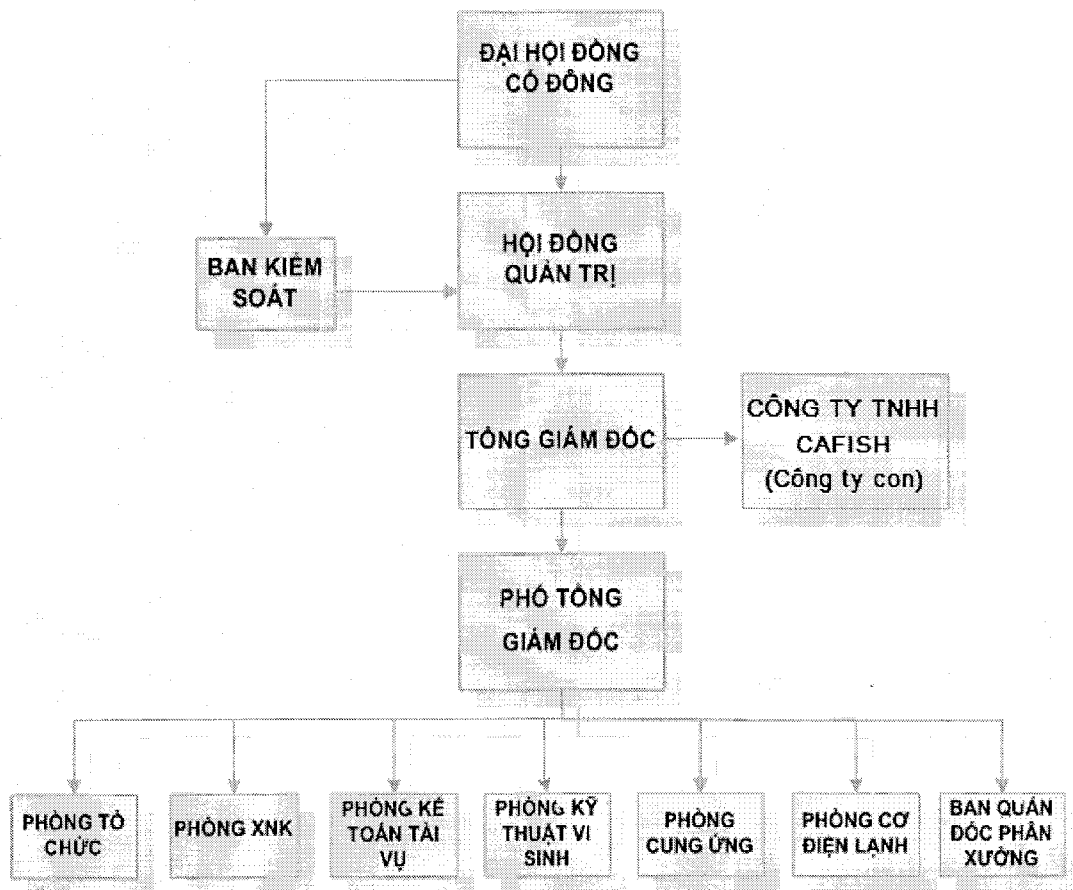
| Thời điểm | VĐL tăng thêm (ngàn đồng) | VĐL sau (PH) (ngàn đồng) | Phương thức phát hành (PH)   | Đơn vị cấp |
|-----------|---------------------------|--------------------------|--|------------|
|           | 28.000.000                |                          | Vốn góp ban đầu  |            |
| 12/2006   | 7.280.000                 | 35.280.000               | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ phân bổ quyền 3,8:1  | SKHĐT      |
| 03/2007   | 19.880.000                | 55.160.000               | Chào bán riêng lẻ 1.988.000 cổ phiếu:<br>+ 560.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ phân bổ quyền 5: 1.<br>+ 1.428.000 cổ phiếu cho đối tác khác | SKHĐT      |
| 12/2008   | 1.654.800                 | 56.814.800               | Phát hành 165.480 cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ phân bổ quyền 33:1.   | UBCKNN     |
| 07/2010   | 5.681.480                 | 62.496.280               | Phát hành 568.148 cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ phân bổ quyền 10:1  | UBCKNN     |
| 12/2010   | 14.503.720                | 77.000.000               | Phát hành riêng lẻ 1.450.372 cổ phiếu cho Cán bộ công nhân viên và Đối tác chiến lược  | UBCKNN     |
| 10/2011   | 3.000.000                 | 80.000.000               | Chuyển đổi từ 30.000 trái phiếu sang 300.000 cổ phiếu với tỷ lệ 1: 10  | UBCKNN     |
| 08/2012   | 19.997.060                | 99.997.060               | Phát hành 1.999.706 cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ phân bổ quyền 4:1   | UBCKNN     |
| 11/2013   | 14.996.140                | 114.993.200              | Phát hành 1.499.614 cổ phiếu tăng vốn từ VCSH theo tỷ lệ phân bổ 100:15  | UBCKNN     |
| 07/2014   | 5.746.540                 | 120.739.740              | Phát hành 574.654 cổ phiếu tăng vốn từ VCSH theo tỷ lệ phân bổ 100:5   | UBCKNN     |
| 12/2014   | 23.000.000                | 143.739.740              | Phát hành 2.300.000 cổ phiếu riêng lẻ  | UBCKNN     |

#### 1.4 Cơ cấu tổ chức

|  |  |
|--|--|
| <b>TRỤ SỞ CHÍNH</b>                          |  |
| Địa chỉ                                      | Lô 2.12 Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, Q. Ô Môn, TP.Cần Thơ      |
| Điện thoại                                   | (0710) 3841819 Fax: (0710) 3841116                           |
| Email  | sales@caseamex.com.vn Website: www.caseamex.com.vn           |
| <b>CHI NHÁNH</b>                             |  |
| Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản         |  |
| Địa chỉ                                      | Tổ 7, ấp Mái Dâm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long |
| Điện thoại                                   | (0710) 3781399   |
| <b>CÔNG TY CON</b>                           |  |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ |  |
| Địa chỉ                                      | Lô 4 Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, Q.Bình Thủy, TP. Cần Thơ     |
| Điện thoại                                   | (0710) 3743865 Fax: (0710) 3743866                           |

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với chi tiết như sau:



- Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ.

- Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra.

- Tổng giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT về các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư; thay

Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty; thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và HĐQT việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Phó Tổng giám đốc

Là người giúp việc trong công tác điều hành của Tổng giám đốc, được ủy quyền ký thay khi Tổng giám đốc vắng mặt và được phân công nhiệm vụ cụ thể trong từng giai đoạn nhất định.

### 1.5 Định hướng phát triển

Xu hướng phát triển của Công ty trong tương lai sẽ đi vào đường lối chuyên nghiệp cả về cách quản lý vùng nguyên liệu, kiểm soát chất lượng, quảng bá thương hiệu.... đặc biệt là sự quan tâm, dẫn dắt của các Hiệp hội, ban ngành cùng với khả năng nhận thức của Ban lãnh đạo mỗi doanh nghiệp trong ngành nhằm hướng đến những bước đi vững chắc và lâu dài. Cụ thể :

#### 1.5.1 Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư

- Mở rộng nhà xưởng sản xuất và kho tồn trữ hiện tại đáp ứng sản lượng ngày một gia tăng của Công ty trên mặt bằng hiện có.
- Xây dựng nhà máy sản xuất chế biến mới, hiện đại đủ cung cấp cho các đơn đặt hàng của các nhà nhập khẩu.
- Tăng cường vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm soát chi phí, tăng năng suất, giảm giá thành để nâng sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng các nước, các nhà nhập khẩu về sản phẩm giá trị gia tăng có giá trị dinh dưỡng cao.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh, công ty con của Công ty. Caseamex sẽ tiến tới việc tự tìm kiếm thị trường, đưa sản phẩm vào các siêu thị, nhà hàng và hệ thống cửa hàng thức ăn nhanh.

#### 1.5.2 Tiếp thị

- Đảm bảo chất lượng đã được khẳng định và thời gian giao hàng. Uy tín về chất lượng sản phẩm hiện đang được xem là tài sản lớn nhất của CASEAMEX.
- Giữ vững và từng bước nâng cao doanh số, nâng cao thị phần xuất khẩu và thị phần trong nước, nâng cao vị thế của Công ty trong ngành.
- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ đối ngoại để tìm kiếm các đối tác xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu của Công ty. Thông qua các đối tác - khách hàng tại Mỹ, CASEAMEX sẽ từng bước giới thiệu sản phẩm của mình sang các nước lân cận khác tại khu vực Bắc, Trung và Nam Mỹ.
- Thường xuyên tham gia các hội chợ chuyên ngành thủy sản trong và ngoài nước.

#### 1.5.3 Tài chính

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn nhằm đáp ứng cho nhu cầu đầu tư và phát triển của Công ty.

- Tích cực tìm nguồn vốn vay với lãi suất thấp.

#### 1.5.4 Nhân lực

- Xây dựng và cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động .

- Tổ chức huấn luyện đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân. Sắp xếp bậc thợ, bậc lương phù hợp .

- Thường xuyên phát động và tổ chức các phong trào thi đua trong sản xuất, phát huy sáng tạo, cải tiến tăng năng xuất, tiết kiệm trong sản xuất để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh của Công ty và thu nhập người lao động .

## II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả sản xuất kinh doanh

| STT | Chỉ tiêu             | Đơn vị    | thực hiện năm 2014 |
|-----|----------------------|-----------|--------------------|
| 1   | Doanh thu            | Tỷ đồng   | 2.087,440          |
| 2   | Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD | 76,061             |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng   | 22,233             |
| 4   | Sản lượng sản xuất   | Tấn       | 14.005             |
| 5   | Sản lượng tiêu thụ   | Tấn       | 15.130             |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chỉ tiêu             | Đơn vị    | KHSXKD năm 2014 | Thực hiện năm 2014 | Tỷ lệ hoàn thành KH |
|----------------------|-----------|-----------------|--------------------|---------------------|
| Doanh thu            | Tỷ đồng   | 1.755,00        | 2.087,440          | 118,9%              |
| Kim ngạch xuất khẩu  | Triệu USD | 73,00           | 76,061             | 104,2%              |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng   | 20,500          | 22,233             | 108,4%              |
| Sản lượng sản xuất   | Tấn       | 17.479          | 14.005             | 80,1%               |
| Sản lượng tiêu thụ   | Tấn       | 16.000          | 15.130             | 94,5%               |

### 2.2 Tổ chức và nhân sự



2.2.1 Danh sách Ban điều hành

| STT | HỌ VÀ TÊN          | CHỨC VỤ                                | NĂM  | CMND      |
|-----|--------------------|--|------|-----------|
| 1   | Võ Đông Đức        | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc       | 1959 | 360045871 |
| 2   | Nguyễn Chí Thảo    | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc | 1968 | 361133038 |
| 3   | Lê Thành Được      | Phó Tổng Giám Đốc                      | 1967 | 361072644 |
| 4   | Nguyễn Thanh Giang | TV HĐQT kiêm P.Tổng Giám đốc           | 1960 | 360083492 |

□ Ông Võ Đông Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên: VÕ ĐÔNG ĐỨC      Giới tính : NAM

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1959      Nơi sinh : VĨNH LONG

Quốc tịch: VIỆT NAM      Dân tộc: KINH

Quê quán: TRƯỜNG LỘC, TAM BÌNH, VĨNH LONG.

Số CMND: 360045871

46A/8 BÙI HỮU NGHĨA, BÌNH THỦY, CẦN THƠ.

ĐT liên lạc ở cơ quan: (0710) 341819

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: ĐẠI HỌC CHĂN NUÔI THÚ Y + KINH TẾ.

Quá trình công tác:

- TỪ 1982 - 1985: CÔNG TÁC TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP HẬU GIANG.
- TỪ 1985 - 1988: CÔNG TÁC TẠI XÍ NGHIỆP LIÊN HIỆP CHĂN NUÔI HẬU GIANG
- TỪ 1988 - 2004: GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
- TỪ 2004 - 2006: PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY NÔNG SẢN XNK CẦN THƠ (CATACO) KIÊM GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
- TỪ 2006 - NAY: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC CTCP XNK THỦY SẢN CẦN THƠ ( CASEAMEX )
- TỪ THÁNG 3/2007- NAY : THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY LAFOOCO

Các chức vụ công tác hiện □ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM nay tại Tổ chức phát hành TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác  
Số cổ phiếu nắm giữ tại TCPH ( tại 31/12/2014):

THÀNH VIÊN HĐQT CTY CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU LONG AN (LAFACO)  
5.066.665 CỔ PHIẾU

Ông Nguyễn Chí Thảo - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên NGUYỄN CHÍ THẢO Giới tính : NAM  
Ngày tháng năm sinh 01/07/1968 Nơi sinh : CÀ MAU  
Quốc tịch VIỆT NAM Dân tộc : KINH  
Quê quán CÀ MAU  
Số CMND 361133038  
Địa chỉ thường trú 96/3 LÝ TỰ TRỌNG, QUẬN NINH KIỀU, TP.CẦN THƠ  
ĐT liên lạc ở cơ quan (0710) 342999  
Trình độ văn hóa 12/12 , Trình độ chuyên môn: ĐẠI HỌC KINH TẾ.  
Quá trình công tác  TỪ 1993 - 1998: CÁN BỘ PHÒNG KINH DOANH XNK CÔNG TY NÔNG SÚC SẢN XNK THỦY SẢN CẦN THƠ  
 TỪ 1998 - 2001: PHÓ GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU TRỰC THUỘC CÔNG TY NÔNG SÚC SẢN XNK CẦN THƠ  
 TỪ 2001-2004: GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM DUYÊN HẢI TRỰC THUỘC CÔNG TY NÔNG SÚC SẢN XNK CẦN THƠ (CATACO).

Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành  
Số cổ phiếu nắm giữ tại TCPH ( tại 31/12/2014)

P, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
40.254 CỔ PHIẾU

Ông Lê Thành Được – Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên LÊ THÀNH ĐƯỢC Giới tính : NAM  
Ngày tháng năm sinh 07/11/1967 Nơi sinh : CẦN THƠ  
Quốc tịch VIỆT NAM Dân tộc : KINH  
Quê quán CẦN THƠ  
Số CMND 361072644  
Địa chỉ thường trú KHU HÒA THẠNH A, P.THỚI HÒA, Ô MÔN, CẦN THƠ  
ĐT liên lạc ở cơ quan 0913759809  
Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn KỸ SƯ CÔNG NGHỆ HÓA THỰC PHẨM  
 Quá trình công tác  
 TỪ 1991- 1994: CÔNG TÁC CÔNG TY XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM MEKO  
 TỪ 1995-1998: CÔNG TÁC CÔNG TY NÔNG SÚC SẢN XNK THỦY SẢN CẦN THƠ  
 TỪ 1998 - 2006: CÔNG TÁC XÍ NGHIỆP NÔNG SÚC SẢN XNK THỦY SẢN CẦN THƠ  
 TỪ 2007 - NAY: CÔNG TÁC TẠI CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Chức vụ công tác hiện nay

tại chức phát hành

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Số cổ phiếu nắm giữ tại

TCPH ( tại 31/12/2014)

16.346 CỔ PHIẾU

Ông Nguyễn Thanh Giang – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên

NGUYỄN THANH GIANG Giới tính: NAM

Ngày tháng năm sinh

16/04/1960

Nơi sinh: HẬU GIANG

Quốc tịch

VIỆT NAM

Dân tộc : KINH

Quê quán

HẬU GIANG

Số CMND

360083492

Địa chỉ thường trú

69/38 CÁCH MẠNG THÁNG 8, TP.CẦN THƠ

ĐT liên lạc ở cơ quan

0913759629

Trình độ văn hóa

12/12 ; Trình độ CM : ĐH CHĂN NUÔI THÚ Y

Quá trình công tác

TỪ 1982- 1986 : CÁN BỘ KỸ THUẬT CỦA Ở HUYỆN LONG MỸ- HẬU GIANG

TỪ 1987 - 1988 :CÁN BỘ KỸ THUẬT CỦA XÍ NGHIỆP LIÊN HIỆP CHĂN NUÔI HẬU GIANG .

TỪ 1989- 2006: P.QUẢN ĐỐC XÍ NGHIỆP CBTP XUẤT KHẨU – CATACO .

TỪ 2006 -2011 : P.QUẢN ĐỐC C.TY CP XNK THỦY SẢN CẦN THƠ

TỪ T10/2011 - NAY: P.TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CẦN THƠ .

Chức vụ công tác hiện

nay tại chức phát hành

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Số cổ phiếu nắm giữ tại

TCPH ( tại 31/12/2014)

5.493 CỔ PHIẾU

2.2.2 Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm

Năm 2014, Công ty không có sự thay đổi Tổng giám đốc điều hành. Ông Võ Đông Đức được tái bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XNK Thủy sản Cần Thơ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 47/2014/NQ- ĐHĐCĐ

ngày 26/04/2014

### 2.2.3 Quyền lợi Ban giám đốc

Tiền lương, tiền thưởng của Ban tổng giám đốc thực hiện theo quy định áp dụng chung của Công ty, giá trị tiền lương, tiền thưởng được căn cứ vào quỹ lương thực hiện trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 2.2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số lao động là 890 người với cơ cấu lao động như sau:

#### □ PHÂN THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG

|                    |     |        |
|--------------------|-----|--------|
| Lao động trực tiếp | 611 | 86,65% |
| Lao động gián tiếp | 279 | 31,35% |

#### □ PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

|                                       |     |        |
|---------------------------------------|-----|--------|
| Trình độ đại học và trên đại học      | 112 | 12,58% |
| Trình độ trung cấp và cao đẳng        | 89  | 10,00% |
| Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật | 689 | 77,42% |

### 2.2.5 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị

Không

## 2.3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

### 2.3.1 Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty CP XNK Thủy Sản Cần Thơ

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Tổng số cổ phiếu phân phối : 2.300.000

Ngày hoàn thành đợt chào bán : 24/12/2014

### 2.3.2 Công ty con

| TT | Tên công ty                                  | Thông tin   |
|----|--|---|
| 1  | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ | Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.<br>Tỉ lệ vốn góp của Caseamex: 51%.<br>Giấy CNĐKKD số 5702001629 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp lần đầu ngày 20/02/2008<br>Ngành nghề kinh doanh: Chế biến các mặt hàng thủy hải sản, gia súc gia cầm đông lạnh xuất khẩu. |

## 2.4 Tình hình tài chính :

### 2.4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

| Các chỉ tiêu              | Năm 2013     | Năm 2014     | % tăng /giảm |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản      | 1.000.422,82 | 709.764,56   | -29,05       |
| Doanh thu thuần           | 1.728.461,53 | 2.080.626,76 | 20,37        |
| Lợi nhuận từ hoạt động KD | 15.881,93    | 22.002,43    | 38,53        |
| Lợi nhuận khác            | 356,05       | 230,68       | -35,21       |
| Lợi nhuận trước thuế      | 16.237,99    | 22.233,12    | 36,92        |
| Lợi nhuận sau thuế        | 14.619,95    | 20.478,70    | 40,07        |
| Lợi nhuận cơ bản trên CP  | 931          | 1.018        | 9,38         |

#### 2.4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu  | ĐVT     | 31/12/2013 | 31/12/2014 |
|---|---------|------------|------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                                    |         |            |            |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn          | Lần     | 1,11       | 1,30       |
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br>(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần     | 0,77       | 0,85       |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn   |         |            |            |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | Lần     | 0,78       | 0,63       |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu   | Lần     | 3,56       | 1,96       |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                                     |         |            |            |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ        | vòng    | 5,99       | 9,56       |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ                                     | vòng    | 1,88       | 2,93       |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                                      |         |            |            |
| + Hệ số LNST/Doanh thu thuần  | %       | 0,85       | 0,98       |
| + Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu BQ  | %       | 6,80       | 8,88       |
| + Hệ số LNST/Tổng tài sản BQ  | %       | 1,59       | 2,89       |
| + Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần                                    | %       | 0,92       | 1,05       |
| + Thu nhập trên cổ phần (EPS)   | đồng/cp | 931        | 1.081      |

## 2.5 Cơ cấu cổ đông :

### 2.5.1 Cơ cấu vốn chủ sở hữu:

| ST T                    |                    | 31/12/2013 |           | 31/12/2014 |           |
|-------------------------|--------------------|------------|-----------|------------|-----------|
|                         |                    | Giá trị    | Tỷ lệ (%) | Giá trị    | Tỷ lệ (%) |
| Cổ đông nắm giữ trên 5% |                    |            |           |            |           |
| 1                       | Văn Phòng Thành Ủy | 1.997.421  | 17,37%    | 2.097.292  | 14,59%    |
| 2                       | Võ Đông Đức        | 2.619.552  | 22,78%    | 5.066.665  | 35,25%    |
| Cổ đông <5%             |                    |            |           |            |           |
| Tổng cộng               |                    | 11.499.320 | 100%      | 14.373.974 | 100%      |

### 2.5.2 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Sự thay đổi cổ phần của các cổ là do :

- Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu tháng 6/2014: 574.654 cổ phần (phát hành 5% cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ tháng 12/2014 : 2.300.000 cổ phần ( cho nhà đầu tư chiến lược)

## III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 3.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

#### 3.1.1 Phân tích tổng quan

##### **Thuận lợi**

- Nhờ chủ động được nguồn nguyên liệu, tự cung tự cấp đến 80% nhu cầu nên Caseamex đảm bảo đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định .

- Công ty có hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC nên tiếp kiệm được thời gian, nguyên liệu, chất lượng sản phẩm cao nhằm tăng hiệu quả.

- Công ty có cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng và cải tiến liên tục nhằm đáp ứng được nhiệm vụ đặt ra.

##### **Khó khăn**

- Năm 2014, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới đang phục hồi nhưng còn yếu ớt do ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính kéo dài, đặc biệt là các nước Châu Âu

hiều nước nhập khẩu dựng lên các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật nhằm hạn chế nhập khẩu bảo hộ thị trường trong nước gây ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản Việt nam nói chung và cá tra nói riêng. Bên cạnh đó tình hình khó khăn của kinh tế trong nước đã ảnh hưởng đến sản xuất, đó là giá cả yếu tố đầu vào tăng (như điện, nhân công..., thiếu vốn, lãi suất ngân hàng có giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao, những yếu tố trên đã làm chi phí sản xuất kết cấu vào giá thành sản phẩm tăng cao .

- Hạn mức tín dụng trong năm 2014 của Công ty giảm 100 tỷ đồng làm cho công ty thiếu vốn sản xuất nghiêm trọng, nguyên nhân do một số Ngân hàng thắt chặt tín dụng, hạn chế cho vay, và đánh giá giá trị tài sản thế chấp thấp.

- Tình hình nuôi cá tra nguyên liệu cũng gặp nhiều khó khăn do giá cả thức ăn cá luôn biến động tăng, nhưng giá cá nguyên liệu không tăng ở mức 21.000đ đến 24.500đ/kg .

### **Cơ hội**

- Nhu cầu thủy sản là nhu cầu thiết yếu và ngày càng gia tăng trên thế giới. Thủy sản đánh bắt ngày càng khan hiếm, do vậy thủy sản nuôi trồng sẽ là nguồn cung chủ lực của thế giới. Việt Nam có lợi thế so sánh về phát triển thủy sản so với các nước khác trên thế giới nhờ thiên nhiên ưu đãi, nguồn nhân lực dồi dào. Đặc biệt, cá tra lại là sản phẩm mà Việt Nam có lợi thế so sánh tuyệt đối, đã xuất khẩu sang 142 quốc gia và vùng lãnh thổ (VASEP)

- Cá tra là loại cá ngon, thịt trắng, giá cạnh tranh so với các loại cá thịt trắng khác và sản lượng ổn định so với các loại cá đánh bắt. Nhu cầu và thị trường cho loại cá này trên thế giới là rất lớn. Ngoài ra, tiềm năng khai thác thêm các mặt hàng giá trị gia tăng khác từ con cá này cũng như phụ phẩm của nó rất khả thi và hứa hẹn lợi nhuận cao.

- Caseamex là nhà cung cấp uy tín và đáng tin cậy với thương hiệu đã có chỗ đứng vững trên thị trường. Thị trường của Caseamex là thị trường ổn định với những khách hàng gắn bó trung thành với công ty

- Nền kinh tế châu Âu đang dần phục hồi

### **Thách thức**

- Thị trường của ngành chế biến cá tra nói chung đang bị nhiều khó khăn về rào cản thương mại và kỹ thuật của các nước nhập khẩu, và thuế bán phá giá của Mỹ, và do tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu đến nay đang phục hồi, đặc biệt là các nước có số lượng nhập khẩu lớn như Châu Âu.

- Giá bán giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận Công ty. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường dẫn đến bán phá giá.

- Sự thiếu hụt lao động luôn là vấn đề với ngành thủy sản. Công ty luôn dành nhiều thời gian xây dựng chính sách cải thiện đời sống người lao động và các chế độ khuyến khích, thu hút lao động.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chỉ tiêu             | Đơn vị  | Kế hoạch năm 2014 | Thực hiện năm 2014 | Tỷ lệ hoàn thành KH |
|----------------------|---------|-------------------|--------------------|---------------------|
| Doanh thu            | Tỷ.đồng | 1.755,000         | 2.087,440          | 118,9%              |
| Kim ngạch xuất khẩu  | Tr USD  | 73,000            | 76,061             | 104,2%              |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 20,500            | 22,233             | 108,4%              |
| Sản lượng sản xuất   | Tấn     | 17.479            | 14.005             | 80,1%               |
| Sản lượng tiêu thụ   | Tấn     | 16.000            | 15.130             | 94,5%               |
| Tổng CBCNV           | người   | 1.650             | 1.544              | 93,5%               |
| Thu nhập bình quân   | đ/tháng | 4.600.000         | 4.926.185          | 107,8%              |

### 3.1.2 Những nét nổi bật chủ yếu trong năm

- Trong điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì hoạt động, ổn định sản xuất và phát triển.

- Bảo tồn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Sản xuất kinh doanh ổn định và có lãi.

- Đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV, góp phần phục vụ an sinh xã hội.

- Đa dạng hóa mặt hàng: Cá tra fillet, tôm sú, tôm thẻ, tôm càng, cá chẽm...cùng một số sản phẩm từ các loại thủy hải sản khác như : đùi ếch, bạch tuộc, mực, các loại cá biển, và cá nước ngọt khác.

- Luôn luôn tuân thủ và duy trì ổn định hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế như: HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC, ngoài ra Công ty còn tiến hành thực hiện chương trình quản lý chất lượng Global Gap cho Nhà máy và các trại nuôi. Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Mỹ AFC, quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn mới của UE: ASC

- Ổn định được nguồn nhân lực, đây là yếu tố quan trọng góp phần vào sự ổn định Công ty.

- Thực hiện quản lý tài chính, tài sản của công ty theo đúng qui định hiện hành và theo đúng pháp luật của Nhà nước.

- Quan tâm công tác xây dựng tổ chức Đảng và các đoàn thể vững mạnh, xây



dựng công ty an toàn văn minh, có đời sống văn hóa tốt. Đảng Bộ công ty đạt Đảng Bộ trong sạch vững mạnh.

- Trải qua 08 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã đạt được các thành tựu:

- Nằm trong top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín qua nhiều năm do Bộ Công Thương cấp.
- Thương hiệu, sản phẩm uy tín, chất lượng do Bộ Công Thương cấp.
- Cùng nhiều bằng khen, giấy khen và giấy chứng nhận khác.

### 3.2 Tình hình tài chính

#### 3.2.1 Tình hình tài sản nợ phải trả

| STT | Chỉ tiêu  | Năm 2014 |
|-----|---|----------|
| 1   | <b>- Cơ cấu tài sản</b>                                   |          |
|     | + Tài sản dài hạn/Tổng tài sản                            | 18,68%   |
|     | + Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản                           | 81,32%   |
| 2   | <b>- Cơ cấu nguồn vốn</b>                                 |          |
|     | + Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn                         | 63,73%   |
|     | + Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn                     | 32,48%   |
| 3   | <b>- Khả năng thanh toán</b>                              |          |
|     | + Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả                           | 156,90%  |
|     | + Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn                       | 130,83%  |
|     | + Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn | 5,22%    |

### 3.3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### 3.3.1 Vị thế của Công ty trong ngành:

CASEAMEX là công ty có quy mô thuộc vào những doanh nghiệp lớn trong ngành chế biến thủy sản xuất khẩu của cả nước, tổng công suất hiện tại lên đến 150-200 tấn cá nguyên liệu/ngày. Trong quá trình hoạt động, đơn vị luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững xuyên suốt từ khâu nuôi trồng cho đến quản lý chất lượng sản xuất và cả khâu bán hàng. Hiện tại, Công ty đặt lên hàng đầu chương trình kiểm soát vùng nuôi cũng như ao nuôi nhằm mục tiêu xây dựng vùng nuôi an toàn thân thiện với môi trường, không sử dụng kháng sinh và hóa chất bị cấm, thực hành nuôi tốt GAP (Good Aquaculture Practice); đầu tư kinh phí thực hiện quy trình tự xử lý nước cho ao nuôi và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn về môi trường, giữ gìn nước nguồn của dòng sông

Mekong để ngành Công nghiệp cá da trơn Việt Nam có điều kiện sản xuất không đi ngược lại với quyền lợi của cộng đồng và xã hội.

CASEAMEX là đơn vị được đánh giá cao về năng lực sản xuất hàng giá trị gia tăng thể hiện thông qua các kỳ hội chợ, đạt được nhiều giải thưởng cao tại các hội chợ quốc tế cũng như trong nước. Đối với mặt hàng truyền thống, CASEAMEX luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, Công ty hiện đang áp dụng quy trình sản xuất chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn như HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC và được kiểm soát tốt về chất lượng đủ điều kiện đáp ứng được thị trường lớn và khó tính. Do đó, thị trường tiêu thụ các sản phẩm chủ lực gần như không hạn chế, đảm bảo cho doanh nghiệp có đầu vào ổn định và ngày càng phát triển.

Ngoài ra, Công ty có lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu do nằm tại tỉnh Cần Thơ, một tỉnh thuộc khu vực Đồng Bằng sông Cửu Long có môi trường và điều kiện được xem là thuận lợi nhất của ngành nuôi thả cá tra. Mặt khác, Công ty luôn đảm bảo duy trì và thiết lập mối quan hệ một cách chặt chẽ với các nhà cung cấp lớn, thường xuyên có sự hỗ trợ và các chính sách hợp tác liên kết tốt với các bạn hàng.

### 3.3.2 Về bộ máy quản trị, điều hành

Hệ thống quản trị, điều hành và cấu trúc bộ máy đã được cải tiến liên tục theo hướng đáp ứng nhu cầu quản trị và điều hành công ty trong quá trình phát triển và hội nhập. Hướng đến việc cải tiến bộ máy quản trị điều hành theo các chuẩn mực quốc tế, Caseamex đã phân nào đáp ứng được yêu cầu phát triển, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

### 3.3.3 Về nguồn nhân lực

Công ty có đội ngũ nhân sự lành nghề, không ngừng được đào tạo nâng cao tay nghề. Ngoài ra, Công ty hoạt động dựa trên nền tảng tài chính – kế toán chuẩn mực nên được khách hàng đánh giá rất cao. Đồng thời, Caseamex xây dựng được đội ngũ marketing chuyên nghiệp, phát triển thương hiệu và đưa sản phẩm của Caseamex được nhiều nơi biết đến.

Tóm lại, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và biến động trong sản xuất và tiêu thụ cá tra trong năm 2013. Tuy nhiên, bước sang năm 2014 vẫn có những bất lợi, nhưng với dự báo kinh tế thế giới và Việt Nam có dấu hiệu phục hồi mạnh nên hy vọng sẽ tạo điều kiện phát triển của ngành thủy sản. Đó cũng là những thuận lợi và cơ hội cho các công ty Thủy sản và kết hợp với nguồn lực của công ty, hy vọng trong năm 2014 Caseamex tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất đạt và vượt kế hoạch đề ra

### 3.4 Kế hoạch cụ thể từng mảng hoạt động năm 2015

#### 3.4.1 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2015

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và sản xuất của Công ty các năm 2015 như sau:

| Stt | CÁC CHỈ TIÊU                   | THỰC HIỆN 2014 | KẾ HOẠCH 2015 |
|-----|--------------------------------|----------------|---------------|
| 1   | Doanh thu ( tỷ đồng)           | 2.087,440      | 2.050         |
| 2   | Kim ngạch XK (triệu USD)       | 76,061         | 68,300        |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 22,233         | 20,00         |
| 5   | Sản lượng sản xuất (tấn)       | 14.005         | 13.600        |
| 6   | Sản lượng tiêu thụ (tấn)       | 15.130         | 14.500        |
| 7   | Tổng CBNV (người)              | 1.544          | 1.520         |
| 8   | Thu nhập bình quân (đ/tháng)   | 4.926.185      | 5.100.000     |

#### 3.4.2 Kế hoạch kinh doanh

- Kim ngạch xuất khẩu: 68,3 triệu USD.

- Thị trường: Tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa thị trường, mở rộng các thị trường mới như: Trung Đông, Trung Quốc...

- Hoàn thiện các tiêu chuẩn đã đạt được và cập nhật xây dựng các tiêu chuẩn mới nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn để sản phẩm có thể vào tất cả các thị trường trên thế giới.

- Sản phẩm: Tiến đến hoàn chỉnh chuỗi sản phẩm cá fillet là mặt hàng chủ lực, đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng thủy sản khác.

#### 3.4.3 Kế hoạch sản xuất

- Quy trình sản xuất đã được cải tiến, tỷ lệ thu hồi sản phẩm đạt yêu cầu.

- Công suất sản xuất hiện nay của công ty đạt từ 40.000-45.000 tấn cá nguyên liệu/năm, quy trình chăn nuôi khép kín kiểm soát tốt chất lượng đảm bảo đạt chất lượng cá tốt nhất cho xuất khẩu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về cỡ size và phần lớn sản lượng sản xuất của công ty.

- Quản lý sản xuất hiệu quả, tiết kiệm chi phí và cải thiện năng suất.

- Sản xuất đúng tiến độ giao hàng.

- Tuân thủ và duy trì hệ thống quản lý chất lượng HACCP, BRC, IFS, HALAS, ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC.

#### 3.4.4 Kế hoạch tiếp thị

- Quảng bá thương hiệu để khách hàng nhận diện sự khác biệt của chất lượng sản phẩm Caseamex với hoạt động nuôi trồng và chế biến thân thiện với môi trường.

- Chủ động tổ chức và tham gia các chiến dịch truyền thông bảo vệ hình ảnh cá tra Việt Nam.

#### 3.4.5 Kế hoạch nuôi trồng

- Do tình hình nuôi trồng thủy sản trong những năm qua không thuận lợi như: do thiếu vốn sản xuất, giá thức ăn luôn biến động theo hướng tăng, giá cá nguyên liệu giảm ở mức thấp...; Trong thời gian tới Công ty sẽ xem xét quy hoạch lại vùng nuôi, phát triển và hoàn thiện các tiêu chuẩn phù hợp cho các vùng nuôi là sở hữu của Công ty, hạn chế và không tiếp tục đầu tư các vùng nuôi thuê bên ngoài không hiệu quả có chi phí cao.

- Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, có kế hoạch thay thế bổ sung đàn cá bố mẹ để tạo đủ số lượng con giống có chất lượng tốt và sạch bệnh. Đẩy mạnh hợp tác, đầu tư cải tiến chất lượng giống để có con giống tốt và sạch bệnh. Liên kết các Công ty giống tạo nguồn giống đạt tiêu chuẩn chất lượng, đủ cung cấp cho các trại nuôi cũng như góp phần cung cấp con giống cho khu vực.

- Phối hợp với các nhà cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc kháng sinh thủy sản trong việc kiểm tra kiểm soát chất lượng thức ăn và chất lượng thuốc thủy sản nhằm đảm bảo thời gian nuôi, định mức tăng trọng tốt cho tất cả các vùng nuôi.

- Liên kết các trại nuôi nhằm tăng nguồn nguyên liệu từ 45.000-50.000 tấn/năm đáp ứng trên 80% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động.

#### 3.4.6 Kế hoạch về vốn

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, tranh thủ các nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh và dự trữ hàng nhằm đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.

- Tăng cường công tác đầu tư vốn và hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ, trang trại nuôi trồng thủy sản để có nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, kiểm soát được nguồn gốc chất lượng nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất xuất khẩu.

### **IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty**

#### 4.1 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của công ty :

Năm 2014 là một năm Ngành thủy sản Việt Nam có khởi sắc hơn năm 2013 với kim ngạch xuất khẩu 7.836,037 triệu USA tăng 16,5% so với cùng kỳ, trong đó kim ngạch xuất khẩu cá tra 1.768,157 triệu USA chỉ tăng 0,4% so năm 2013. Tuy nhiên, có thể nhận định rằng :

- Năm 2014, nhìn chung tình hình xuất khẩu cá tra của nước ta chưa có nhiều khởi sắc mới.

- Nhu cầu nhập khẩu cá tra của 2 thị trường chính chiếm 38,5% tỷ trọng xuất khẩu cá tra Việt Nam là Mỹ và EU vẫn chưa phục hồi, trong đó thị trường EU giảm đến 10,7% so năm 2013, thị trường Mỹ giảm 11,5% so năm 2013. Ngoài ra, thị trường Mỹ ngày càng đặt ra nhiều chính sách thắt chặt hơn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam như thuế chống bán phá giá. Vừa qua, ngày 5/1/2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) công bố quyết định cuộc rà soát thuế chống bán phá giá lần thứ 10 (POR10) đối với sản phẩm philê cá tra đông lạnh xuất khẩu của Việt Nam. Theo đó, mức thuế chống bán phá giá tăng rất cao so với cùng kỳ năm trước, gây không ít khó khăn cho các doanh nghiệp khi xuất khẩu sang thị trường này.

- Ở thị trường Châu Á, từ đầu năm đến nay nhập khẩu cá tra ở các nước châu Á nhìn chung tăng trưởng ổn định. Năm 2014, nhập khẩu cá tra của Thái Lan, Trung Quốc đều tăng trưởng ổn định trên 10% so với cùng kỳ năm 2013.

- Ngoài ra có một số thị trường khác sức tiêu thụ tăng cao như Colombia.-19,2%, Ả-rập Xê-út- 21%.

- Các Công ty kinh doanh thương mại mặt hàng thủy sản và nhất là mặt hàng Fillet cá tra không còn kỳ vọng có lợi nhuận tốt như thời gian trước nên thị trường trầm lắng đến nay vẫn chưa thấy có tín hiệu phục hồi.

Trước diễn biến tình hình như trên, Caseamex cũng vẫn chưa thể thoát ra vòng xoáy bất ổn đang có hướng hồi phục một cách chậm chạp đó :

- Do biến động phá sản, thua lỗ, vỡ nợ của một số Công ty trong ngành năm 2012, 2013 đã để lại một duy chấn mạnh và đã tạo áp lực việc xét cấp tín dụng của các Ngân hàng thương mại .

- Hạn mức vay bị cắt giảm do không đủ tài sản thế chấp ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng sản xuất, doanh số xuất khẩu, làm tăng chi phí sản xuất nên lợi nhuận sụt giảm .

- Thiếu vốn, vùng nuôi nguyên liệu co hẹp lại không đủ cung cấp cho hoạt động của nhà máy ảnh hưởng lớn đến việc xuất khẩu, thu nhập ổn định của người công nhân. Tuy nhiên, nhờ công ty có những lợi thế nhất định hơn những công ty khác như: Có đầu tư vùng nguyên liệu, có nhà máy chế biến và thị trường ổn định. Ngoài ra, còn thực hiện một số chính sách nhằm sắp xếp, củng cố lực lượng lao động, nâng cao năng xuất sản xuất, tăng cường tiết giảm chi phí không cần thiết.

Tất cả các điểm nêu trên cho thấy bức tranh hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đã mang lại hiệu quả nhưng không như mong đợi.

## **4.2 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD**

### **4.2.1 Về nhà máy**

- Hiện nay, công ty có 02 nhà máy chế biến hoạt động với công suất khoảng 15.000 đến 20.000 tấn thành phẩm/năm:

- Nhà máy chế biến MEKONG DELTALFOOD đặt tại Lô 2-12 Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, chuyên sản xuất và chế biến các sản phẩm từ cá tra, các mặt hàng giá trị gia tăng và các loại thủy hải sản khác.

- Nhà máy chế biến Cafish tại Lô 4 Khu Công nghiệp Trà Nóc 1, chuyên sản xuất chế biến các sản phẩm từ Tôm và các mặt hàng thủy hải sản khác.

### **4.2.2 Về Vùng nuôi nguyên liệu**

Hiện tại, công ty đã đầu tư và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 hecta tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang... có khả năng tự cung tự cấp đến 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy. Vùng nuôi nguyên liệu cung cấp mỗi năm khoảng từ 45.000- 50.000 tấn nguyên liệu/năm.

### **4.2.3 Về Đầu tư**

Công ty giữ mức đầu tư 15,3 tỷ đồng (chiếm 51%) của Công ty TNHH XNK

## Thủy sản Cần Thơ (Cafish)

### 4.2.4. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| Chỉ tiêu             | Đơn vị  | Năm 2014  |           | Tỷ lệ đạt |
|----------------------|---------|-----------|-----------|-----------|
|                      |         | Kế hoạch  | Thực hiện |           |
| Doanh thu            | Tỷ.đồng | 1.755,000 | 2.087,440 | 118,94%   |
| Kim ngạch xuất khẩu  | Tr USD  | 73,000    | 76,061    | 104,19%   |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 20,500    | 22,233    | 108,4%    |
| Sản lượng sản xuất   | Tấn     | 17.479    | 14.005    | 80,12%    |
| Sản lượng tiêu thụ   | Tấn     | 16.000    | 15.130    | 94,56%    |

### 4.3 Các kế hoạch, định hướng của HDQT.

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của Caseamex đối với các ngành kinh doanh chính, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường của ngành mà Công ty hiện đang kinh doanh và đầu tư, kế hoạch của Công ty giai đoạn từ 2015 – 2020 như sau:

- Từ cơ sở thiết bị kỹ thuật đã được đầu tư mới trong các năm qua Công ty sẽ duy trì sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng, hàng đông lạnh truyền thống, kinh doanh thương mại, tăng doanh số và kim ngạch xuất khẩu.

- Mở rộng, liên kết với các trại nuôi tạo nguồn nguyên liệu đáp ứng từ 80% nhu cầu nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn đã đạt được qui định Quốc tế.

- Tiếp tục củng cố và phát huy các mặt hàng chủ lực các thị trường chính đang là thế mạnh của Công ty.

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, tranh thủ các nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh, nhằm đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.

- Xem xét việc tổ chức lại bộ máy quản lý của Công ty trên nguyên tắc tin gọn, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Đảm bảo an toàn về vốn và hiệu quả kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý. Các định mức được phổ biến đến tận người lao động, công bố công khai cho người lao động

- Định kỳ tổ chức phân tích chi phí sản xuất, chi phí lưu thông, giá thành sản phẩm, nhằm phát hiện những khâu yếu kém trong quản lý, để có giải pháp khắc phục kịp thời.

- Các mục tiêu sản xuất kinh doanh cụ thể sẽ được xây dựng hàng năm, báo cáo và thông qua trước Đại hội đồng cổ đông.

- Đặc biệt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty đang xây dựng chiến lược cho hướng phát triển mới của Công ty khi mà lĩnh vực nuôi trồng chế biến và kinh doanh thủy hải sản không mang lại lợi nhuận hợp lý.

Hiện nay, Công ty Caseamex đang tăng cường tìm kiếm và mở rộng xuất khẩu vào các thị trường mới nhằm giảm bớt rủi ro hàng rào thuế quan và phi thuế quan của một số nước nhập khẩu.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 5.1 Hội đồng quản trị

#### Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

| TT | Họ và tên                            | Chức vụ         | Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2014 |           |
|----|--------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|-----------|
|    |                                      |                 | Số lượng                              | tỷ lệ (%) |
| 1  | Võ Đông Đức                          | Chủ tịch HĐQT   | 5.066.665                             | 35,2      |
| 2  | Nguyễn Chí Thảo                      | P.Chủ tịch HĐQT | 40.254                                | 0,28      |
| 3  | Nguyễn Thanh Giang                   | Thành viên      | 5.493                                 | 0,04      |
| 4  | Võ Thị Thúy Nga                      | Thành viên      | 156.988                               | 1,09      |
| 5  | Bùi Ngọc Ánh ( đại diện VP Thành Ủy) | Thành viên      | 2.097.292                             | 14,59     |

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên : Bùi Ngọc Ánh ( đại diện VP Thành Ủy) hoạt động độc lập không tham gia điều hành .

Năm tài chính 2014 kết thúc đánh dấu chặng đường 08 năm phát triển của Caseamex với nhiều thành tựu đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã có nhiều phiên họp để đưa ra các nghị quyết chỉ đạo kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động của công ty. Các mục tiêu cụ thể như sau:

- Bảo tồn và phát triển nguồn vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu, đến nay vốn điều lệ tăng 431,21%, vốn chủ sở hữu tăng 513,35% so với khi mới thành lập.

- Kinh doanh có hiệu quả và đem lại lợi nhuận cho Công ty, lợi tức cho Cổ đông.

- Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ ổn định và có hướng phát triển.

- Đảm bảo việc làm, đời sống cho CBCNV, góp phần phục vụ an sinh xã hội.

- Đa dạng hóa mặt hàng: Cá tra fillet, tôm sú, tôm thẻ, tôm càng, cá chẽm... cùng một số sản phẩm từ các loại thủy hải sản khác như: đùi ếch, bạch tuộc, mực, các loại cá biển....

- Công ty liên kết sản xuất vaccin đưa vào nguồn giống để cung cấp cho các trại nuôi tạo nguồn giống sạch bệnh.

- Công ty cũng thực hiện liên kết với công ty thức ăn OCIALIS, DAVIGEL của Pháp sản xuất cá fillet tiêu chuẩn cao cấp cho học sinh và các bệnh viện tại Pháp với sự giám sát chất lượng của Burcau Caritas từ đầu năm 2010 đến nay sản lượng tăng dần và rất có hiệu quả. Giá bán luôn ở mức cao.

- Luôn luôn tuân thủ và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế như: HACCP, SSOP, GMP, BRC, SQF 1000, SQF 2000, ISO 9001:2000, ngoài ra Công ty còn tiến hành thực hiện chương trình quản lý chất lượng Global Gap cho các trại nuôi.

- Ổn định được nguồn nhân lực, đây là yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển của Công ty.

- Thực hiện quản lý tài chính, tài sản của công ty theo đúng qui định hiện hành và theo đúng pháp luật của Nhà nước.

- Quan tâm công tác xây dựng tổ chức Đảng và các đoàn thể vững mạnh, xây dựng công ty an toàn văn minh, có đời sống văn hóa tốt. Đảng Bộ công ty đạt Đảng Bộ trong sạch vững mạnh.

## 5.2 Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên    | Chức vụ    | Số cổ phần sở hữu tại 31/12/2014 |           |
|----|--------------|------------|----------------------------------|-----------|
|    |              |            | Số lượng                         | tỷ lệ (%) |
| 1  | Lý Quốc Tuấn | Trưởng ban | 26.383                           | 0,18      |
| 2  | Phạm Lệ Liễu | Phó Ban    | 22.525                           | 0,16      |
| 3  | Lê Ánh Hồng  | Thành viên | 28.755                           | 0,20      |

Trong năm 2014, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, cụ thể sau:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT công ty và có ý kiến tham gia trực tiếp cho HĐQT, BGD công ty trong chỉ đạo điều hành SXKD và hoạt động khác của công ty.

- Thường xuyên giám sát quản lý các đơn vị, quản lý công ty; giám sát hoạt động dự án; kiểm tra công tác kế toán.

- Giám sát công tác cổ phần, cổ phiếu, kiểm tra tư cách cổ đông, điều kiện tổ chức đại hội trong các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

- Kiểm tra kiểm soát Báo cáo tài chính và kết quả SXKD năm 2014 để trình ĐHĐCĐ năm 2015.

## 5.3 Các thù lao và lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát



### 5.3.1 Thù lao và lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên                            | thành phần      | thù lao/năm 2014 | Lương/năm 2014 |
|----|--------------------------------------|-----------------|------------------|----------------|
| 1  | Võ Đông Đức                          | Chủ tịch HĐQT   | 84.000.000       | 180.000.000    |
| 2  | Nguyễn Chí Thảo                      | P.Chủ tịch HĐQT | 60.000.000       | 144.000.000    |
| 3  | Nguyễn Thanh Giang                   | Thành viên      | 48.000.000       | 144.000.000    |
| 4  | Võ Thị Thúy Nga                      | Thành viên      | 48.000.000       | 120.000.000    |
| 5  | Bùi Ngọc Ánh ( đại diện VP Thành Ủy) | Thành viên      | 48.000.000       | -              |
| 6  | Lý Quốc Tuấn                         | Trưởng ban      | 36.000.000       | 96.000.000     |
| 7  | Phạm Lệ Liễu                         | Phó ban         | 36.000.000       | 96.000.000     |
| 8  | Lê Ánh Hồng                          | Thành viên      | 36.000.000       | 96.000.000     |

### 5.3.2 Giao dịch cổ phiếu

| Stt | Người thực hiện giao dịch     | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |        | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |        | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)           |
|-----|-------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|--|
|     |                               | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ  | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ  |  |
| 1   | Võ Đông Đức                   | 2.619.552                 | 22,78% | 5.066.665                  | 35,24% | Tăng CP từ vốn CSH, nhận chuyển nhượng và mua CP PH riêng lẻ |
| 2   | Nguyễn Chí Thảo               | 38.338                    | 0,33%  | 40.254                     | 0,28%  | Tăng CP từ vốn CSH   |
| 4   | Võ Thị Thúy Nga               | 149.513                   | 1,30%  | 156.988                    | 1,09%  | Tăng CP từ vốn CSH   |
| 5   | Bùi Ngọc Ánh (ĐD VP Thành ủy) | 1.997.421                 | 17,37% | 2.097.292                  | 14,59% | Tăng CP từ vốn CSH   |
| 6   | Lê Thành Được                 | 15.568                    | 0,14%  | 16.346                     | 0,11%  | Tăng CP từ vốn CSH   |
| 7   | Nguyễn Thanh Giang            | 5.232                     | 0,05%  | 5.493                      | 0,03%  | Tăng CP từ vốn CSH   |
| 8   | Lý Quốc Tuấn                  | 25.127                    | 0,22%  | 26.383                     | 0,18%  | Tăng CP từ vốn CSH   |
| 9   | Phạm Lệ Liễu                  | 9.564                     | 0,08%  | 22.525                     | 0,16%  | Tăng CP từ vốn CSH & nhận chuyển nhượng                      |
| 10  | Lê Ánh Hồng                   | 27.405                    | 0,24%  | 28.775                     | 0,20%  | Tăng CP từ vốn CSH   |

## V. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

- Kiểm toán độc lập: Báo cáo kiểm toán số : 1014580HN/AISC-DN

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC)

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, phường 4, Quận 3, TP.HCM

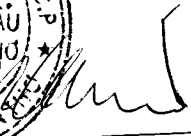
Điện thoại: (08) 38.328.964

Fax: (08) 38.342.957

- Giới hạn phạm vi kiểm toán: Không có.

- Ý kiến kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU  
THỦY SẢN CẦN THƠ  
(CASEA HFX)  
Đ. O MÓN - TP. CẦN THƠ



VÔ ĐÔNG ĐỨC